

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

053  
GIAC  
NG  
HÀNH  
CH  
TP.

**MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>  | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>  | <b>4</b>       |
| <b>4. Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>  | <b>5 - 7</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ<br/>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>                  | <b>8 - 9</b>   |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ<br/>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>                 | <b>10 - 12</b> |
| <b>7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ<br/>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b> | <b>13</b>      |
| <b>8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ<br/>6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>          | <b>14 - 42</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật,... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 01/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 01 năm 2023.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3827 0527
- Fax : +84 (028) 3821 8010

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày tái bổ nhiệm                     |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Khánh Linh | Chủ tịch     | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Đông Hải   | Phó chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Quốc Việt  | Phó chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Phan Minh Trung   | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Đức Hiếu   | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|-------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Trần Thị Nhân        | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023   |
| Ông Lê Ngọc Hùng        | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Trương Thị Hồng Nhạn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023   |
| Ông Nguyễn Trung Hiếu   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023   |
| Ông Nguyễn Thanh Tịnh   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |
| Bà Đoàn Thị Thu Sương   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2023 |

**Ban điều hành**

| Họ và tên                 | Chức vụ                               | Ngày bổ nhiệm                       |
|---------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Hiếu       | Tổng Giám đốc                         | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2018  |
| Ông Trịnh Tấn Lực         | Phó Tổng Giám đốc                     | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2020  |
| Bà Phạm Việt Lan Anh      | Giám đốc tài chính                    | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023   |
|                           | Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | Kế toán trưởng                        | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2022   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Khánh Linh (theo giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công số 01/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 01 năm 2023).

Ông Nguyễn Khánh Linh – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho Nguyễn Đức Hiếu - Tổng Giám đốc được quyền ký các báo cáo (định kỳ, bất thường, theo yêu cầu), văn bản, giấy tờ với/gửi các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền,... theo Giấy ủy quyền số 128/2023/UQ-TCSC ngày 23 tháng 6 năm 2023.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số 1.1285/23/TC-AC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Hồ Văn Tung****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                          |                          |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                     | <b>100</b> |             | <b>1.232.453.427.305</b> | <b>1.007.966.051.397</b> |
| <b>I. Tài sản tài chính</b>                                    | <b>110</b> |             | <b>1.229.680.739.011</b> | <b>1.005.724.364.793</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                          | 111        | VI.1        | 244.037.046.113          | 383.040.370.758          |
| 1.1. Tiền  | 111.1      |             | 32.929.388.579           | 56.989.845.952           |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền                                | 111.2      |             | 211.107.657.534          | 326.050.524.806          |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)     | 112        | VI.3a,e     | -                        | -                        |
| 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)             | 113        | VI.3c       | 32.849.490.412           | 57.098.580.250           |
| 4. Các khoản cho vay   | 114        | VI.3d       | 485.356.716.970          | 223.147.534.819          |
| 5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)                 | 115        | VI.3b,e     | 298.353.332.500          | 335.518.030.000          |
| 6. Các khoản phải thu  | 117        |             | 165.444.035.837          | 4.444.353.211            |
| 6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính                        | 117.1      | VI.4        | 160.987.397.600          | -                        |
| 6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2      | VI.4        | 4.456.638.237            | 4.444.353.211            |
| 6.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận                 | 117.3      |             | 3.167.843.805            | 2.316.371.521            |
| 6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận              | 117.4      |             | 1.288.794.432            | 2.127.981.690            |
| 7. Trả trước cho người bán                                     | 118        | VI.4        | 83.134.150               | 2.334.981.848            |
| 8. Phải thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp               | 119        | VI.4        | 3.556.983.029            | 140.513.907              |
| 9. Các khoản phải thu khác                                     | 122        | VI.4        | 4.000.000.000            | 4.000.000.000            |
| 10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu               | 129        | VI.4        | (4.000.000.000)          | (4.000.000.000)          |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                               | <b>130</b> |             | <b>2.772.688.294</b>     | <b>2.241.686.604</b>     |
| 1. Tạm ứng   | 131        |             | 107.982.000              | 30.109.000               |
| 2. Chi phí trả trước ngắn hạn                                  | 133        | VI.5a       | 2.664.706.294            | 2.211.577.604            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                      | <b>200</b> |             | <b>282.524.766.416</b>   | <b>316.466.913.699</b>   |
| <b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>                            | <b>210</b> |             | <b>252.285.181.471</b>   | <b>288.809.337.988</b>   |
| 1. Các khoản đầu tư  | 212        |             | 331.749.800.000          | 365.279.902.222          |
| 1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                 | 212.1      | VI.3c       | 55.538.000.000           | 5.000.000.000            |
| 1.2. Đầu tư vào công ty con                                    | 212.2      | VI.3f       | 249.000.000.000          | 149.000.000.000          |
| 1.3. Đầu tư dài hạn khác                                       | 212.4      | VI.3g       | 27.211.800.000           | 211.279.902.222          |
| 2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn                 | 213        | VI.3f,h     | (79.464.618.529)         | (76.470.564.234)         |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                                     | <b>220</b> |             | <b>18.252.692.652</b>    | <b>17.224.640.762</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                    | 221        | VI.6        | 7.252.557.053            | 8.286.118.103            |
| - Nguyên giá   | 222        |             | 20.725.992.617           | 20.725.992.617           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 223a       |             | (13.473.435.564)         | (12.439.874.514)         |
| 2. Tài sản cố định vô hình                                     | 227        | VI.7        | 11.000.135.599           | 8.938.522.659            |
| - Nguyên giá   | 228        |             | 35.126.639.894           | 31.764.894.894           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 229a       |             | (24.126.504.295)         | (22.826.372.235)         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                   | <b>250</b> |             | <b>11.986.892.293</b>    | <b>10.432.934.949</b>    |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn       | 251        | VI.8        | 1.129.400.000            | 1.129.400.000            |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn                       | 252        | VI.5b       | 2.998.082.424            | 3.944.125.080            |
| 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                  | 254        | VI.9        | 7.859.409.869            | 5.359.409.869            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                           | <b>270</b> |             | <b>1.514.978.193.721</b> | <b>1.324.432.965.096</b> |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>293.164.078.321</b>   | <b>171.234.389.063</b>   |
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                     | <b>310</b> |             | <b>291.685.588.324</b>   | <b>169.755.899.066</b>   |
| 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn       | 311        | VI.10       | 279.000.000.000          | -                        |
| 1.1. Vay ngắn hạn                                  | 312        |             | 279.000.000.000          | -                        |
| 2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn                   | 316        | VI.11       | -                        | 149.989.000.000          |
| 3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán        | 318        |             | 800.389.785              | 639.885.899              |
| 4. Phải trả người bán ngắn hạn                     | 320        | VI.12       | 91.905.781               | 38.566.320               |
| 5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 321        |             | -                        | 40.000.000               |
| 6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 322        | VI.13       | 4.878.441.336            | 5.696.239.724            |
| 7. Phải trả người lao động                         | 323        |             | 1.724.150.641            | 1.418.014.138            |
| 8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên          | 324        |             | -                        | 112.000                  |
| 8. Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 325        | VI.14       | 4.862.944.281            | 11.448.387.735           |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn      | 329        |             | 327.756.500              | 485.693.250              |
| <b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>                     | <b>340</b> |             | <b>1.478.489.997</b>     | <b>1.478.489.997</b>     |
| 1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 356        | VI.15       | 1.478.489.997            | 1.478.489.997            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>1.221.814.115.400</b> | <b>1.153.198.576.033</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> |             | <b>1.221.814.115.400</b> | <b>1.153.198.576.033</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                       | 411        |             | 1.009.716.470.000        | 1.009.716.470.000        |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu                        | 411.1      | VI.16       | 1.009.799.820.000        | 1.009.799.820.000        |
| a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết           | 411.1a     |             | 1.009.799.820.000        | 1.009.799.820.000        |
| 1.2 Thặng dư vốn cổ phần                           | 411.2      | VI.16       | (83.350.000)             | (83.350.000)             |
| 2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | 412        |             | (23.637.081.135)         | (65.019.103.032)         |
| 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                  | 414        |             | -                        | 8.005.186.819            |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ      | 415        |             | -                        | 8.005.186.819            |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối                        | 417        |             | 235.734.726.535          | 192.490.835.427          |
| 5.1. Lợi nhuận đã thực hiện                        | 417.1      |             | 228.352.976.555          | 185.109.085.447          |
| 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                      | 417.2      |             | 7.381.749.980            | 7.381.749.980            |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>              | <b>440</b> |             | <b>1.514.978.193.721</b> | <b>1.324.432.965.096</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>  |       |             |                   |                   |
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý   | 004   |             | 33.363.940.829    | 33.363.940.829    |
| 2. Cổ phiếu đang lưu hành  | 006   |             | 100.979.982       | 100.979.982       |
| 3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán                                    | 008   |             | 139.301.000.000   | 335.518.030.000   |
| 4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán                                   | 009   |             | 889.300.000       | -                 |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                                  |       |             |                   |                   |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư   | 021   | VII.1       | 2.977.359.329.000 | 4.007.353.581.530 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng   | 021.1 |             | 2.186.781.129.000 | 2.933.521.315.830 |
| b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng   | 021.2 |             | 1.189.750.000     | 1.531.213.500     |
| c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố  | 021.3 |             | 289.540.000.000   | 664.730.369.900   |
| d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ  | 021.4 |             | 475.808.090.000   | 371.590.467.500   |
| e. Tài sản tài chính chờ thanh toán  | 021.5 |             | 24.040.360.000    | 35.980.214.800    |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư  | 022   |             | 11.202.430.000    | 4.719.602.000     |
| a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                                      | 022.1 |             | 1.760.130.000     | -                 |
| b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng                                    | 022.2 |             | 9.442.300.000     | 4.719.602.000     |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư   | 023   |             | 29.398.233.000    | 45.700.311.100    |
| 4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư   | 025   |             | -                 | 539.400           |
| 5. Tiền gửi của khách hàng   | 026   | VII.2       | 138.011.184.453   | 157.936.525.600   |
| 5.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý                 | 027   |             | 69.611.989.568    | 111.740.326.115   |
| 5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng  | 028   |             | 68.393.296.950    | 46.195.089.550    |
| 5.3. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán  | 030   |             | 5.897.935         | 1.109.935         |
| 6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý              | 031   | VII.3       | 69.611.989.568    | 111.740.326.115   |
| 6.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 031.1 |             | 66.691.333.035    | 84.787.619.464    |
| 6.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 031.2 |             | 2.920.656.533     | 26.952.706.651    |
| 7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu  | 035   | VII.3       | 5.897.935         | 1.109.935         |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND/INH

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>  |           |             |                                   |                        |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)  | 01        |             | 12.711.272.810                    | 26.654.325.709         |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL   | 01.1      | VIII.1      | 12.711.272.810                    | 18.216.868.454         |
| b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL   | 01.2      | VIII.2      | -                                 | 5.577.347.255          |
| c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL   | 01.3      |             | -                                 | 2.860.110.000          |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)  | 02        | VIII.3      | 10.373.551.096                    | 7.700.374.779          |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu  | 03        | VIII.3      | 16.058.788.414                    | 36.570.526.518         |
| 1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)  | 04        | VIII.3      | 9.450.750.000                     | 2.520.450.000          |
| 1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán  | 06        | VIII.4      | 10.026.703.564                    | 24.006.176.101         |
| 1.6. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán  | 07        | VIII.4      | 3.447.700.000                     | 23.671.000.000         |
| 1.7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán   | 08        | VIII.4      | 45.000.000                        | 10.866.456             |
| 1.8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán  | 09        | VIII.4      | 550.649.213                       | 417.541.722            |
| 1.9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính  | 10        | VIII.4      | 100.000.000                       | 145.454.545            |
| 1.10. Thu nhập hoạt động khác  | 11        | VIII.4      | 352.882.072                       | 438.998.120            |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>  | <b>20</b> |             | <b>63.117.297.169</b>             | <b>122.135.713.950</b> |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>   |           |             |                                   |                        |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)  | 21        |             | 12.647.842.207                    | 15.593.081.347         |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL  | 21.1      | VIII.1      | 12.647.842.207                    | 2.215.798.000          |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL  | 21.2      | VIII.2      | -                                 | 13.377.283.347         |
| 2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)  | 22        |             | 98.580.250                        | -                      |
| 2.3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay | 24        |             | 2.091.933.984                     | 14.387.143.945         |
| 2.4. Chi phí hoạt động tự doanh  | 26        |             | 264.810.581                       | 229.982.479            |
| 2.5. Chi phí môi giới chứng khoán  | 27        | VIII.5      | 11.948.773.945                    | 13.942.816.335         |
| 2.6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán  | 28        |             | 11.000.000                        | 480.000                |
| 2.7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán   | 29        |             | -                                 | 750.000.000            |
| 2.8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán  | 30        |             | 518.080.455                       | 533.913.839            |
| <b>Cộng chi phí hoạt động</b>  | <b>40</b> |             | <b>27.581.021.422</b>             | <b>45.437.417.945</b>  |
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>  |           |             |                                   |                        |
| 3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định  | 42        | VIII.6      | 800.535.458                       | 395.275.624            |
| 3.2. Doanh thu khác về đầu tư  | 44        | VIII.7      | 23.261.495.378                    | -                      |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>  | <b>50</b> |             | <b>24.062.030.836</b>             | <b>395.275.624</b>     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

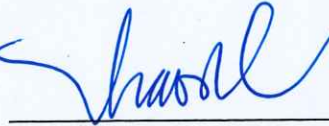
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|---|------------|---------------|-----------------------------------|-------------------------|
|   |            |               | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>  |            |               |                                   |                         |
| 4.1. Chi phí lãi vay  | 52         |               | 3.062.920.480                     | 438.115.206             |
| 4.2. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 54         |               | 2.994.054.295                     | -                       |
| 4.3. Chi phí tài chính khác   | 55         | VIII.8        | 7.396.000.000                     | -                       |
| <b>Cộng chi phí tài chính</b>   | <b>60</b>  |               | <b>13.452.974.775</b>             | <b>438.115.206</b>      |
| <b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>                             | <b>62</b>  | <b>VIII.9</b> | <b>14.919.948.778</b>             | <b>13.133.922.749</b>   |
| <b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>  | <b>70</b>  |               | <b>31.225.383.030</b>             | <b>63.521.533.674</b>   |
| <b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                                 |            |               |                                   |                         |
| 7.1. Thu nhập khác  | 71         |               | -                                 | 148.863                 |
| 7.2. Chi phí khác   | 72         |               | 544.764                           | 66.535.810              |
| <b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>  | <b>80</b>  |               | <b>(544.764)</b>                  | <b>(66.386.947)</b>     |
| <b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>                            | <b>90</b>  |               | <b>31.224.838.266</b>             | <b>63.455.146.727</b>   |
| 8.1. Lợi nhuận đã thực hiện   | 91         |               | 31.224.869.432                    | 71.255.082.819          |
| 8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện   | 92         |               | (31.166)                          | (7.799.936.092)         |
| <b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>                             | <b>100</b> |               | <b>3.991.320.796</b>              | <b>9.719.166.910</b>    |
| 9.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                         | 100.1      | VI.13         | 3.991.351.962                     | 11.279.154.130          |
| 9.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                          | 100.2      |               | (31.166)                          | (1.559.987.220)         |
| <b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>                | <b>200</b> |               | <b>27.233.517.470</b>             | <b>53.735.979.817</b>   |
| <b>XI. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>    | <b>300</b> |               | <b>41.382.021.897</b>             | <b>(58.415.751.262)</b> |
| 11.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán      | 301        |               | 41.382.021.897                    | (58.415.751.262)        |
| <b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b>  | <b>400</b> |               | <b>41.382.021.897</b>             | <b>(58.415.751.262)</b> |
| <b>XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>                        | <b>500</b> |               |                                   |                         |
| 12.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)                           | 501        | VIII.10       |                                   |                         |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)***6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                  |           |             |                                   |                       |
| 1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                 | 01        |             | 31.224.838.266                    | 63.455.146.727        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   | 02        |             | (18.750.498.900)                  | 9.031.065.303         |
| - Khấu hao tài sản cố định   | 03        | VI.6,7      | 2.333.693.110                     | 1.935.741.631         |
| - Các khoản dự phòng   | 04        | VI.4        | -                                 | -                     |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | 5.154.854.464                     | 14.825.259.151        |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 07        | VIII.3,6,9  | (24.950.252.042)                  | (6.062.338.095)       |
| - Dự thu tiền lãi  | 08        | VIII.3      | (1.288.794.432)                   | (1.638.036.684)       |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 09        |             | -                                 | (29.560.700)          |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ  | 10        |             | 2.994.054.295                     | 13.377.283.347        |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL    | 11        | VIII.2      | -                                 | 13.377.283.347        |
| - Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn             | 16        | VI.3h       | 2.994.054.295                     | -                     |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ  | 18        |             | -                                 | (5.577.347.255)       |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL   | 19        | VIII.2      | -                                 | (5.577.347.255)       |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                   | 30        |             | (228.140.929.970)                 | (43.348.672.353)      |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL                    | 31        |             | -                                 | 30.200.000.008        |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM                        | 32        |             | (26.288.910.162)                  | (235.098.580.250)     |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay  | 33        |             | (262.209.182.151)                 | 453.466.185.627       |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS                                | 34        |             | 78.546.719.397                    | (172.988.956.462)     |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính                            | 35        |             | -                                 | 7.010.508.009         |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính     | 36        |             | 1.276.509.406                     | 604.510.579           |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp   | 37        |             | (3.416.469.122)                   | 333.767.451           |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác   | 40        |             | (326.025.302)                     | (97.988.109.020)      |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)                     | 41        |             | (1.958.570.246)                   | (12.739.596.479)      |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước  | 42        |             | 492.913.966                       | (1.229.225.173)       |
| - (-)Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 43        |             | (4.665.580.869)                   | (28.165.661)          |
| - (-) Lãi vay đã trả   | 44        |             | (9.781.727.672)                   | (7.570.464.637)       |
| - Tăng (giảm) phải trả người bán   | 45        |             | 53.339.461                        | 2.142.444.180         |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                               | 46        |             | (112.000)                         | -                     |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | 47        |             | (143.538.315)                     | (8.166.828.838)       |
| - Tăng (giảm) phải trả người lao động  | 48        |             | 306.136.503                       | 31.483.997            |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác  | 50        |             | (26.401.698)                      | (1.327.645.684)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                               | <b>60</b> |             | <b>(212.672.536.309)</b>          | <b>36.937.475.769</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
|   |           |             | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>  |           |             |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác   | 61        | VI.6,7      | (3.361.745.000)                   | (1.509.187.607)         |
| 2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác         | 63        |             | (127.211.800.000)                 | -                       |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác | 64        |             | 66.158.000.000                    | -                       |
| 4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn          | 65        | VIII.3      | 9.084.756.664                     | 6.062.338.095           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>  | <b>70</b> |             | <b>(55.330.788.336)</b>           | <b>4.553.150.488</b>    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>  |           |             |                                   |                         |
| 1. Tiền vay gốc   | 73        |             | 493.684.000.000                   | 643.109.000.000         |
| 1.1. Tiền vay khác  | 73.2      | VI.10,11    | 493.684.000.000                   | 643.109.000.000         |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay  | 74        |             | (364.684.000.000)                 | (732.844.650.000)       |
| 2.1. Tiền chi trả gốc vay khác  | 74.3      | VI.10,11    | (364.684.000.000)                 | (732.844.650.000)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>   | <b>80</b> |             | <b>129.000.000.000</b>            | <b>(89.735.650.000)</b> |
| <b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>   |           |             |                                   |                         |
|   | 90        |             | (139.003.324.645)                 | (48.245.023.743)        |
| <b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>  |           |             |                                   |                         |
| - Tiền  | 101       | VI.1        | 383.040.370.758                   | 287.410.726.891         |
| - Các khoản tương đương tiền  | 101.1     |             | 56.989.845.952                    | 57.410.726.891          |
|   | 101.2     |             | 326.050.524.806                   | 230.000.000.000         |
| <b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>                                       |           |             |                                   |                         |
| - Tiền  | 103       | VI.1        | 244.037.046.113                   | 239.165.703.148         |
| - Các khoản tương đương tiền  | 103.1     |             | 32.929.388.579                    | 82.758.277.778          |
|   | 103.2     |             | 211.107.657.534                   | 156.407.425.370         |

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                          |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước                |
| <b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b> |           |             |                                   |                          |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                  | 01        |             | 3.927.146.572.320                 | 8.178.730.792.500        |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                  | 02        |             | (3.556.756.864.150)               | (9.878.723.767.860)      |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng  | 07        |             | (359.134.279.189)                 | 1.598.511.741.796        |
| 4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng, phí khác           | 11        |             | (31.185.558.128)                  | (69.632.142.560)         |
| 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                        | 14        |             | 19.332.286.041                    | 12.091.106.692           |
| 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                        | 15        |             | (19.327.498.041)                  | (12.086.373.392)         |
| <b>Tăng tiền thuần trong kỳ</b>                                      | <b>20</b> |             | <b>(19.925.341.147)</b>           | <b>(171.108.642.824)</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|---|-----------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
|   |           |              | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>                            | <b>30</b> | <b>VII.2</b> | <b>157.936.525.600</b>            | <b>361.733.759.478</b> |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm:   | 31        |              | 157.936.525.600                   | 361.733.759.478        |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý | 32        |              | 111.740.326.115                   | 73.567.127.243         |
| Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng  | 33        |              | 46.195.089.550                    | 288.165.522.300        |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành  | 35        |              | 1.109.935                         | 1.109.935              |
| <b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>                           | <b>40</b> | <b>VII.2</b> | <b>138.011.184.453</b>            | <b>190.625.116.654</b> |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:   | 41        |              | 138.011.184.453                   | 190.625.116.654        |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý | 42        |              | 69.611.989.568                    | 137.996.239.419        |
| Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng  | 43        |              | 68.393.296.950                    | 52.623.034.000         |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành  | 45        |              | 5.897.935                         | 5.843.235              |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Số dư đầu năm            |                          | Thay đổi trong kỳ     |                       |                        |                       | Đơn vị tính: VND<br>Số dư cuối kỳ |                          |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------|
|  |             | Ngày 01/01/2022          | Ngày 01/01/2023          | 6 tháng đầu năm 2022  |                       | 6 tháng đầu năm 2023   |                       | Ngày 30/6/2022                    | Ngày 30/6/2023           |
|  |             |                          |                          | Tăng                  | Giảm                  | Tăng                   | Giảm                  |                                   |                          |
| <b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>                               |             |                          |                          |                       |                       |                        |                       |                                   |                          |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                     | VI.17       | 1.009.716.470.000        | 1.009.716.470.000        | -                     | -                     | -                      | -                     | 1.009.716.470.000                 | 1.009.716.470.000        |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                       |             | 1.009.799.820.000        | 1.009.799.820.000        | -                     | -                     | -                      | -                     | 1.009.799.820.000                 | 1.009.799.820.000        |
| 1.3 Thặng dư vốn cổ phần   |             | (83.350.000)             | (83.350.000)             | -                     | -                     | -                      | -                     | (83.350.000)                      | (83.350.000)             |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ                                |             | 8.005.186.819            | 8.005.186.819            | -                     | -                     | -                      | 8.005.186.819         | 8.005.186.819                     | -                        |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ                    |             | 8.005.186.819            | 8.005.186.819            | -                     | -                     | -                      | 8.005.186.819         | 8.005.186.819                     | -                        |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý           |             | (4.153.169.071)          | (65.019.103.032)         | 12.465.095.243        | 70.880.846.505        | 77.038.511.210         | 35.656.489.313        | (62.568.920.333)                  | (23.637.081.135)         |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối                                      |             | 175.050.607.588          | 192.490.835.427          | 67.113.176.764        | 13.406.757.647        | 45.737.611.335         | 2.493.720.227         | 228.757.026.705                   | 235.734.726.535          |
| 5.1 Lợi nhuận đã thực hiện                                       |             | 146.679.035.300          | 185.109.085.447          | 61.535.915.909        | 29.560.700            | 45.737.611.335         | 2.493.720.227         | 208.185.390.509                   | 228.352.976.555          |
| 5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện                                     |             | 28.371.572.288           | 7.381.749.980            | 5.577.260.855         | 13.377.196.947        | -                      | -                     | 20.571.636.196                    | 7.381.749.980            |
| <b>Cộng</b>  |             | <b>1.196.624.282.155</b> | <b>1.153.198.576.033</b> | <b>79.578.272.007</b> | <b>84.287.604.152</b> | <b>122.776.122.545</b> | <b>54.160.583.178</b> | <b>1.191.914.950.010</b>          | <b>1.221.814.115.400</b> |
| <b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>                               |             |                          |                          |                       |                       |                        |                       |                                   |                          |
| 1. Lãi, lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | VI.3e       | (4.153.169.071)          | (65.019.103.032)         | 12.465.095.243        | 70.880.846.505        | 77.038.511.210         | 35.656.489.313        | (62.568.920.333)                  | (23.637.081.135)         |
| <b>Cộng</b>  |             | <b>(4.153.169.071)</b>   | <b>(65.019.103.032)</b>  | <b>12.465.095.243</b> | <b>70.880.846.505</b> | <b>77.038.511.210</b>  | <b>35.656.489.313</b> | <b>(62.568.920.333)</b>           | <b>(23.637.081.135)</b>  |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023



Đỗ Thị Thanh Hoa  
Người lập



Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 81/UBCK-GP ngày 31 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, .... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 01/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 01 năm 2023.

#### 2. Địa chỉ liên hệ

Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi lần thứ 11 của Công ty ban hành ngày 26 tháng 2 năm 2022.

#### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động

##### • Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.009.799.820.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.221.814.115.400 VND, tổng tài sản là 1.514.978.193.721 VND.

##### • Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

##### • Hạn chế đầu tư:

Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2021/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các sửa đổi bổ sung như sau:

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Công ty không được mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty với giá trị còn lại vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
- Công ty không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu vào tổ chức khác, trong đó không sử dụng quá 20% vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

- ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
  - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập và mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh Công ty đang thực hiện;
  - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
  - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
    - + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
    - + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- Cấu trúc:  
**Các công ty con**

| Tên công ty                                | Địa chỉ trụ sở chính                                    | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM) | Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán | 100%          | 100%          | 100%                   |
| Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF)               | Số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản                   | 98%           | 98%           | 98%                    |

Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 64 nhân viên).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ ngay khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

### 5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay".

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 6. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

### 7. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

### 8. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

### 9. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### 10. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền.

#### *Chi phí công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền*

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 3 năm.

### 12. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 13. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị               | 05 - 08       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10            |
| Thiết bị văn phòng              | 06 - 08       |

### 14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 8 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

#### *Các quỹ*

Số dư các quỹ đầu năm của Công ty được trích theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm (lợi nhuận trước ngày 01 tháng 02 năm 2022) để trích lập các quỹ như sau:

|  | Mức trích lập từ lợi<br>nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--|--|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ             | 5%                                     | 10% vốn điều lệ      |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5%                                     | 10% vốn điều lệ      |

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty dừng trích lập hai quỹ này và hoàn nhập toàn bộ số dư 2 quỹ này vào lợi nhuận chưa phân phối theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 17 ngày 08 tháng 6 năm 2023.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

### 18. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

## V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các tài sản tài chính*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)



## **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản đảm bảo, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4. Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

## **2. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **3. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt  | 13.170.997             | 12.817.219             |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty                                | 32.916.217.582         | 56.977.028.733         |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) <sup>(*)</sup> | 211.107.657.534        | 326.050.524.806        |
| <b>Cộng</b>   | <b>244.037.046.113</b> | <b>383.040.370.758</b> |

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với số tiền tương ứng là 40.000.000.000 VND, 121.107.657.534 VND, 40.000.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng này (xem thuyết minh số VI.10).

### 2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

|                          | Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ |
|--------------------------|---|---|
| <b>Của Công ty</b>       | <b>27.195.500</b>                       | <b>1.084.069.620.000</b>                        |
| Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ | 21.195.500                              | 466.669.620.000                                 |
| Trái phiếu               | 6.000.000                               | 617.400.000.000                                 |
| <b>Của nhà đầu tư</b>    | <b>439.905.350</b>                      | <b>7.529.251.460.670</b>                        |
| Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ | 434.792.250                             | 7.525.463.016.670                               |
| Trái phiếu               | 5.113.100                               | 3.788.444.000                                   |
| <b>Cộng</b>              | <b>467.100.850</b>                      | <b>8.613.321.080.670</b>                        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Các loại tài sản tài chính

#### 3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

|                        | Số cuối kỳ |                | Số đầu năm |                |
|------------------------|------------|----------------|------------|----------------|
|                        | Giá gốc    | Giá trị hợp lý | Giá gốc    | Giá trị hợp lý |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 10.700.000 | -              | 10.700.000 | -              |
| TRI                    | 10.700.000 | -              | 10.700.000 | -              |
| Cộng                   | 10.700.000 | -              | 10.700.000 | -              |

#### 3b. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

|                      | Số cuối kỳ      |                 | Số đầu năm      |                 |
|----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                      | Giá gốc         | Giá trị hợp lý  | Giá gốc         | Giá trị hợp lý  |
| BBT                  | 23.718.520.000  | 10.085.040.000  | 23.718.520.000  | 9.244.620.000   |
| FDC                  | 60.160.000.000  | 50.384.000.000  | 60.160.000.000  | 61.513.600.000  |
| STB                  | 104.672.739.747 | 101.618.000.000 | 139.025.721.476 | 101.475.000.000 |
| QTP                  | 54.614.793.492  | 62.580.870.000  | 49.097.420.000  | 42.255.200.000  |
| BMI                  | 48.196.133.049  | 42.593.640.000  | 46.151.708.528  | 36.775.750.000  |
| Các cổ phiếu còn lại | 30.628.227.347  | 31.091.782.500  | 82.383.763.028  | 84.253.860.000  |
| Cộng                 | 321.990.413.635 | 298.353.332.500 | 400.537.133.032 | 335.518.030.000 |

#### 3c. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

|   | Số cuối kỳ     | Số đầu năm     |
|---|----------------|----------------|
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn                          | 32.849.490.412 | 57.098.580.250 |
| Trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt             | 8.800.000.000  | 57.098.580.250 |
| Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm                                     | 24.049.490.412 | -              |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn                           | 55.538.000.000 | 5.000.000.000  |
| Trái phiếu có kỳ hạn 6 năm của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam         | 5.000.000.000  | 5.000.000.000  |
| Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 50.538.000.000 | -              |
| Cộng  | 88.387.490.412 | 62.098.580.250 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 3d. Các khoản cho vay

|                                    | Số cuối kỳ             |                        | Số đầu năm             |                        |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | Giá gốc                | Giá trị hợp lý         | Giá gốc                | Giá trị hợp lý         |
| Gốc cho vay giao dịch ký quỹ       | 474.445.257.617        | 474.445.257.617        | 213.125.678.351        | 213.125.678.351        |
| Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán | 10.911.459.353         | 10.911.459.353         | 10.021.856.468         | 10.021.856.468         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>485.356.716.970</b> | <b>485.356.716.970</b> | <b>223.147.534.819</b> | <b>223.147.534.819</b> |

### 3e. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:

| STT | Tài sản tài chính                                   | Giá mua                | Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối kỳ | Chênh lệch đánh giá lại |                       | Giá trị đánh giá lại   |
|-----|---|------------------------|---|-------------------------|-----------------------|------------------------|
|     |   |                        |   | Tăng                    | Giảm                  |                        |
| I.  | Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 10.700.000             | -                                       | -                       | 10.700.000            | -                      |
| 1.  | Cổ phiếu hủy niêm yết                               | 10.700.000             | -                                       | -                       | 10.700.000            | -                      |
| II. | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)             | 321.990.413.635        | 298.353.332.500                         | -                       | 23.637.081.135        | 298.353.332.500        |
|     | <b>Cộng</b>   | <b>322.001.113.635</b> | <b>298.353.332.500</b>                  | <b>-</b>                | <b>23.647.781.135</b> | <b>298.353.332.500</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

| STT | Tài sản tài chính                                   | Giá mua                | Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm | Chênh lệch đánh giá lại |                       | Giá trị đánh giá lại   |
|-----|---|------------------------|--|-------------------------|-----------------------|------------------------|
|     |   |                        |  | Tăng                    | Giảm                  |                        |
| I.  | Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 10.700.000             | -  | -                       | 10.700.000            | -                      |
| 1.  | Cổ phiếu hủy niêm yết                               | 10.700.000             | -  | -                       | 10.700.000            | -                      |
| II. | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)             | 400.537.133.032        | 335.518.030.000                          | -                       | 65.019.103.032        | 335.518.030.000        |
|     | <b>Cộng</b>   | <b>400.547.833.032</b> | <b>335.518.030.000</b>                   | <b>-</b>                | <b>65.029.803.032</b> | <b>335.518.030.000</b> |

### 3f. Đầu tư vào công ty con

|  | Số cuối kỳ             |                         | Số đầu năm             |                         |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|  | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công <sup>(i)</sup> | 200.000.000.000        | (79.464.618.529)        | 100.000.000.000        | (76.470.564.234)        |
| Quỹ đầu tư Thành Công <sup>(ii)</sup>              | 49.000.000.000         | -                       | 49.000.000.000         | -                       |
| <b>Cộng</b>  | <b>249.000.000.000</b> | <b>(79.464.618.529)</b> | <b>149.000.000.000</b> | <b>(76.470.564.234)</b> |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305706456 thay đổi lần thứ ba ngày 19 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công với số tiền là 200.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ thành viên số 72/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty góp vốn vào Quỹ đầu tư Thành Công 49.000.000.000 VND, tương đương 98% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trong kỳ với các công ty con như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |            |
|--|-----------------------------------|------------|
|  | Số cuối kỳ                        | Số đầu năm |
| <b>Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công</b> |                                   |            |
| Góp vốn                                    | 100.000.000.000                   | -          |
| Phí ứng trước tiền bán                     | 65.777                            | -          |
| Phí hoa hồng môi giới                      | 167.664.500                       | -          |
| Doanh thu lưu ký                           | 844.231                           | -          |
| Lãi tiền gửi                               | 220.260                           | -          |
| <b>Quỹ đầu tư Thành Công</b>               |                                   |            |
| Phí hoa hồng môi giới                      | 30.842.442                        | -          |

### 3g. Đầu tư dài hạn khác

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm             |
|--|-----------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ<br>Điệp <sup>(i)</sup>        | -                     | 102.079.902.222        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng<br>lượng Hoàng Gia <sup>(ii)</sup> | -                     | 14.400.000.000         |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm<br>Tú <sup>(iii)</sup>          | -                     | 94.800.000.000         |
| Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam <sup>(iv)</sup>                       | 27.211.800.000        | -                      |
| <b>Cộng</b>  | <b>27.211.800.000</b> | <b>211.279.902.222</b> |

- (i) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 9.490.900 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp, thu về 59.154.000.000 VND, số tiền bán cổ phần còn chưa thu là 54.983.563.400 VND.
- (ii) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia, đã thu toàn bộ tiền bán là 7.004.000.000 VND.
- (iii) Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm Tú, toàn bộ số tiền bán cổ phần còn chưa thu là 106.003.834.200 VND.
- (iv) Công ty nhận chuyển nhượng 358.050 cổ phần của Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam với số tiền đầu tư là 27.211.800.000 VND.

### 3h. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn

|                             |                       |
|-----------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                  | 76.470.564.234        |
| Trích lập dự phòng trong kỳ | 2.994.054.295         |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>79.464.618.529</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu

|   | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-------------------------------|-----------------------------|
| <i>Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính</i>                     | 160.987.397.600               | -                           |
| <i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>   | 4.456.638.237                 | 4.444.353.211               |
| Phải thu lãi giao dịch ký quỹ   | 3.167.843.805                 | 2.316.371.521               |
| Dự thu lãi tiền gửi   | 747.943.219                   | 863.163.197                 |
| Dự thu giấy tờ có giá   | 181.194.791                   | -                           |
| Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp                                      | 359.656.422                   | 1.264.818.493               |
| <i>Trả trước cho người bán</i>  | 83.134.150                    | 2.334.981.848               |
| <i>Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp</i>                    | 3.556.983.029                 | 140.513.907                 |
| Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán                                  | 65.299.668                    | 40.527.483                  |
| Phải thu thuế Thu nhập cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của nhà đầu tư | 43.983.361                    | 34.633.053                  |
| Phải thu dịch vụ khác   | 3.447.700.000                 | 65.353.371                  |
| <i>Phải thu khác</i>  | 4.000.000.000                 | 4.000.000.000               |
| Phải thu ông Đoàn Quang Sang <sup>(i)</sup>                             | 4.000.000.000                 | 4.000.000.000               |
| <i>Dự phòng suy giảm giá trị các phải thu</i>                           | <u>(4.000.000.000)</u>        | <u>(4.000.000.000)</u>      |
| <b>Cộng</b>   | <u><b>169.084.153.016</b></u> | <u><b>6.919.848.966</b></u> |

(i) Khoản phải thu ông Đoàn Quang Sang – cổ đông của Công ty, tương ứng với giá trị của 400.000 cổ phiếu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và ông Nguyễn Thành Chung.

Ông Đoàn Quang Sang đã ủy quyền toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến 200.000 cổ phiếu (tương đương 2.000.000.000 VND) cho người đại diện pháp luật của Công ty.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra Bản án số 1145/2020/KDTM-ST tuyên xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông Đoàn Quang Sang phải thanh toán số tiền 6.469.120.000 VND, bao gồm tiền nợ gốc 4.000.000.000 VND và các khoản khác với số tiền là 2.469.120.000 VND. Ngày 17 tháng 02 năm 2021, Cục thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh cũng đã có quyết định số 1586/QĐ-CTHADS cho thi hành bản án.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty vẫn chưa nhận được số tiền nêu trên, Công ty đã trích lập đủ 100% giá trị khoản phải thu với số tiền là 4.000.000.000 VND.

### 5. Chi phí trả trước

#### 5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ                | 192.222.498                 | 33.624.228                  |
| Thuê văn phòng                  | 188.100.000                 | 564.300.000                 |
| Viễn thông, cước đường truyền   | 1.706.902.867               | 884.898.326                 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 577.480.929                 | 728.755.050                 |
| <b>Cộng</b>                     | <u><b>2.664.706.294</b></u> | <u><b>2.211.577.604</b></u> |

#### 5b. Chi phí trả trước dài hạn

|  | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ, vật dụng văn phòng    | 877.067.587                 | 1.214.367.995               |
| Sửa chữa, cải tạo văn phòng            | 2.019.469.609               | 2.704.652.397               |
| Viễn thông, cước đường truyền, bảo trì | 101.545.228                 | 13.670.800                  |
| Chi phí trả trước dài hạn khác         | -                           | 11.433.888                  |
| <b>Cộng</b>                            | <u><b>2.998.082.424</b></u> | <u><b>3.944.125.080</b></u> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****6. Tài sản cố định hữu hình**

|                                       | <u>Máy móc<br/>thiết bị</u> | <u>Thiết bị<br/>văn phòng</u> | <u>Cộng</u>           |
|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                             |                               |                       |
| Số đầu năm                            | 20.249.975.490              | 476.017.127                   | 20.725.992.617        |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>20.249.975.490</b>       | <b>476.017.127</b>            | <b>20.725.992.617</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                             |                               |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 7.512.678.490               | 232.700.000                   | 7.745.378.490         |
| Đang chờ thanh lý                     | -                           | -                             | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                             |                               |                       |
| Số đầu năm                            | 12.168.592.876              | 271.281.638                   | 12.439.874.514        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 1.013.284.626               | 20.276.424                    | 1.033.561.050         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>13.181.877.502</b>       | <b>291.558.062</b>            | <b>13.473.435.564</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                             |                               |                       |
| Số đầu năm                            | 8.081.382.614               | 204.735.489                   | 8.286.118.103         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>7.068.097.988</b>        | <b>184.459.065</b>            | <b>7.252.557.053</b>  |

**7. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | <u>Phần mềm</u>       | <u>Dịch vụ website</u> | <u>Cộng</u>           |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                       |                        |                       |
| Số đầu năm                            | 31.179.594.894        | 585.300.000            | 31.764.894.894        |
| Mua trong kỳ                          | 3.361.745.000         | -                      | 3.361.745.000         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>34.541.339.894</b> | <b>585.300.000</b>     | <b>35.126.639.894</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                       |                        |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 17.443.418.894        | -                      | 17.443.418.894        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                       |                        |                       |
| Số đầu năm                            | 22.552.501.106        | 273.871.129            | 22.826.372.235        |
| Khấu hao trong kỳ                     | 1.241.602.060         | 58.530.000             | 1.300.132.060         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>23.794.103.166</b> | <b>332.401.129</b>     | <b>24.126.504.295</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                       |                        |                       |
| Số đầu năm                            | 8.627.093.788         | 311.428.871            | 8.938.522.659         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>10.747.236.728</b> | <b>252.898.871</b>     | <b>11.000.135.599</b> |

**8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn**

|                        | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Đặt cọc thuê văn phòng | 1.080.000.000        | 1.080.000.000        |
| Ký quỹ taxi            | 23.000.000           | 23.000.000           |
| Ký quỹ khác            | 26.400.000           | 26.400.000           |
| <b>Cộng</b>            | <b>1.129.400.000</b> | <b>1.129.400.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

|                          | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền nộp ban đầu         | 120.000.000                 | 120.000.000                 |
| Tiền nộp bổ sung         | 6.845.135.587               | 4.570.518.309               |
| Tiền lãi phân bổ hàng kỳ | 894.274.282                 | 668.891.560                 |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b><u>7.859.409.869</u></b> | <b><u>5.359.409.869</u></b> |

### 10. Vay ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

|   | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số vay trong kỳ</u>        | <u>Số trả trong kỳ</u>          | <u>Số cuối kỳ</u>             |
|---|-------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa <sup>(i)</sup> | -                 | 109.500.000.000               | (70.500.000.000)                | 39.000.000.000                |
| Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>                 | -                 | 304.184.000.000               | (104.184.000.000)               | 200.000.000.000               |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>         | -                 | 80.000.000.000                | (40.000.000.000)                | 40.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>-</u></b>   | <b><u>493.684.000.000</u></b> | <b><u>(214.684.000.000)</u></b> | <b><u>279.000.000.000</u></b> |

(i) Khoản vay thấu chi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa để bổ sung vốn lưu động, khoản vay có kỳ hạn 1 tháng và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh VI.1).

(ii) Các khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua trái phiếu đầu tư, các khoản vay có kỳ hạn 3 tháng và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh VI.1).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, khoản vay có kỳ hạn 12 tháng và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại chính Ngân hàng này (xem thuyết minh VI.1).

### 11. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

Thông tin chi tiết về trái phiếu phát hành ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Công ty như sau:

Ngày 23/02/2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu lần 1 năm 2022 với tổng giá trị 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng), mã trái phiếu TCIH2223001, kỳ hạn 01 năm, ngày phát hành 23/02/2022, ngày đáo hạn 23/02/2023.

- Tên trái phiếu : Trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công
- Mã trái phiếu : TCIH2223001
- Thời điểm phát hành : 23/02/2022
- Kỳ hạn gốc : 1 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

- Số lượng trái phiếu phát hành : 2.000 trái phiếu
- Mệnh giá : 100.000.000 VND
- Lãi suất : Nợ gốc của Trái phiếu sẽ chịu lãi với mức lãi suất cố định là 10%/năm. Tiền lãi trái phiếu được thanh toán theo từng kỳ tính lãi mỗi 6 tháng/ lần bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn và trả sau, định kỳ vào ngày trả lãi.
- Tài sản đảm bảo : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công  
Giá trị tài sản đảm bảo biến động theo giá cổ phiếu giao dịch trên HNX.

- Mục đích sử dụng vốn : Số lượng, giá trị tài sản bảo đảm có thể biến động tăng/giảm phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên có liên quan thể hiện tại các Văn kiện Trái phiếu và/hoặc thực tế phát sinh. Tăng quy mô vốn hoạt động để tài trợ cho các giao dịch cho vay ký quỹ, đầu tư.
- Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu : Công ty sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu để tài trợ cho các giao dịch cho vay ký quỹ: 187.408.500.000 đồng, đầu tư: 12.591.500.000 đồng, thời gian giải ngân: quý 1 năm 2022.
- Mua lại trái phiếu : Vào ngày 21 tháng 11 năm 2022, Công ty đã mua lại 25% số lượng trái phiếu đang sở hữu là 500 trái phiếu tương ứng với tổng giá trị 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Vào ngày 23 tháng 02 năm 2023, Công ty đã mua lại 1.500 trái phiếu còn lại tương ứng với tổng giá trị 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Chi tiết biến động chi tiêu Trái phiếu phát hành ngắn hạn như sau:

|                           |                   |
|---------------------------|-------------------|
| Số đầu năm                | 149.989.000.000   |
| Chi phí phát hành phân bổ | 11.000.000        |
| Thanh toán tiền mua lại   | (150.000.000.000) |
| <b>Số cuối kỳ</b>         | <b>-</b>          |

12. **Phải trả người bán ngắn hạn**  
Các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

13. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa           | 840.273              | 143.863              |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên  | 25.379.583           | 129.113.928          |
| Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư | 843.495.057          | 901.369.898          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | 3.991.351.962        | 4.665.612.035        |
| Các loại thuế khác                   | 17.374.461           | -                    |
| <b>Cộng</b>                          | <b>4.878.441.336</b> | <b>5.696.239.724</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

## **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 31.224.838.266                    | 63.455.146.727        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                       |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 101.417.496                       | 13.591.710.042        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (1.381.826.782)                   | (15.270.526.120)      |
| Thu nhập chịu thuế   | 29.944.428.980                    | 61.776.330.649        |
| Cổ tức được chia trong kỳ  | (9.987.825.000)                   | (5.380.560.000)       |
| Thu nhập tính thuế   | 19.956.603.980                    | 56.395.770.649        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                               | 20%                   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>3.991.320.796</b>              | <b>11.279.154.130</b> |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>31.166</b>                     | <b>-</b>              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>   | <b>3.991.351.962</b>              | <b>11.279.154.130</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## **14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                           | Số cuối kỳ           | Số đầu năm            |
|---------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 84.800.000           | 86.400.000            |
| Chi phí lãi vay           | 715.592.534          | 5.342.465.742         |
| Chi phí quản lý khác      | 4.062.551.747        | 6.019.521.993         |
| <b>Cộng</b>               | <b>4.862.944.281</b> | <b>11.448.387.735</b> |

## **15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ đánh giá tăng, giảm các tài sản tài chính.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

## **16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|   | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <b>Được phép phát hành và đã góp vốn đủ</b> |                          |                          |
| Số lượng (cổ phần)                          | 100.979.982              | 100.979.982              |
| Mệnh giá (VND/cổ phần)                      | 10.000                   | 10.000                   |
| <b>Giá trị (VND)</b>                        | <b>1.009.799.820.000</b> | <b>1.009.799.820.000</b> |
| Thặng dư vốn cổ phần                        | (83.350.000)             | (83.350.000)             |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>1.009.716.470.000</b> | <b>1.009.716.470.000</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|                                       | <u>Số cuối kỳ</u>               | <u>Số đầu năm</u>               |
|---------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital | 553.284.360.000                 | 553.284.360.000                 |
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean           | 30.000.000.000                  | 30.000.000.000                  |
| Các cổ đông khác                      | 426.515.460.000                 | 426.515.460.000                 |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>1.009.799.820.000</u></b> | <b><u>1.009.799.820.000</u></b> |

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

|  | <u>Số cuối kỳ</u>               | <u>Số đầu năm</u>               |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng | 2.186.781.129.000               | 2.933.521.315.830               |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng              | 1.189.750.000                   | 1.531.213.500                   |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố                   | 289.540.000.000                 | 664.730.369.900                 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ                 | 475.808.090.000                 | 371.590.467.500                 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                     | 24.040.360.000                  | 35.980.214.800                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>2.977.359.329.000</u></b> | <b><u>4.007.353.581.530</u></b> |

#### 2. Tiền gửi của nhà đầu tư

|  | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i> | <i>69.611.989.568</i>         | <i>111.740.326.115</i>        |
| Của nhà đầu tư trong nước  | 66.691.333.035                | 84.787.619.464                |
| Của nhà đầu tư nước ngoài  | 2.920.656.533                 | 26.952.706.651                |
| <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>  | <i>68.393.296.950</i>         | <i>46.195.089.550</i>         |
| <i>Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán</i>  | <i>5.897.935</i>              | <i>1.109.935</i>              |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>138.011.184.453</u></b> | <b><u>157.936.525.600</u></b> |

#### 3. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

|  | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i> | <i>69.611.989.568</i>        | <i>111.740.326.115</i>        |
| Của nhà đầu tư trong nước  | 66.691.333.035               | 84.787.619.464                |
| Của nhà đầu tư nước ngoài  | 2.920.656.533                | 26.952.706.651                |
| <i>Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu</i>  | <i>5.897.935</i>             | <i>1.109.935</i>              |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>69.617.887.503</u></b> | <b><u>111.741.436.050</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

| Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán     | Tổng giá trị bán       | Giá vốn bình quân                      | Lãi/(lỗ) bán            | Lãi/(lỗ) bán           |
|---------------------------|------------------|------------------------|--|-------------------------|------------------------|
|                           |                  |                        | gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch | chứng khoán kỳ này      | chứng khoán kỳ trước   |
| <b>Lãi bán</b>            |                  |                        |  |                         |                        |
| Các cổ phiếu niêm yết     | 9.554.450        | 217.095.200.000        | 204.383.927.190                        | 12.711.272.810          | 18.216.868.454         |
| <b>Cộng</b>               | <b>9.554.450</b> | <b>217.095.200.000</b> | <b>204.383.927.190</b>                 | <b>12.711.272.810</b>   | <b>18.216.868.454</b>  |
| <b>Lỗ bán</b>             |                  |                        |  |                         |                        |
| Các cổ phiếu niêm yết     | 2.530.450        | 55.605.685.000         | 68.131.527.207                         | (12.525.842.207)        | (2.155.798.000)        |
| Trái phiếu niêm yết       | 3.000.000        | 308.639.000.000        | 308.761.000.000                        | (122.000.000)           | (60.000.000)           |
| <b>Cộng</b>               | <b>5.530.450</b> | <b>364.244.685.000</b> | <b>376.892.527.207</b>                 | <b>(12.647.842.207)</b> | <b>(2.215.798.000)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

| STT tài chính                   | Danh mục các tài sản tài chính | Giá trị mua theo sổ sách | Giá trị hợp lý | Số dư chênh lệch     | Số dư chênh lệch    | Chênh lệch thuần               | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm |
|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|----------------|----------------------|---------------------|--------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                 |                                |                          |                | đánh giá lại cuối kỳ | đánh giá lại đầu kỳ | điều chỉnh số kế toán trong kỳ |                 |                 |
| <b>1. Cổ phiếu hủy niêm yết</b> |                                |                          |                |                      |                     |                                |                 |                 |
|                                 | TRI                            | 10.700.000               | -              | 10.700.000           | (10.700.000)        | -                              | -               | -               |
|                                 | <b>Cộng</b>                    | <b>10.700.000</b>        |                | <b>10.700.000</b>    | <b>(10.700.000)</b> | -                              | -               | -               |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG**

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

| <b>3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS</b> |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>   |                       |                       |
|  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
| Từ tài sản tài chính FVTPL   | -                     | 2.860.110.000         |
| <i>Cổ tức</i>  | -                     | 2.860.110.000         |
| Từ tài sản tài chính HTM   | 10.373.551.096        | 7.700.374.779         |
| <i>Lãi thực thu</i>  | 9.084.756.664         | 6.062.338.095         |
| <i>Lãi trích trước</i>   | 1.288.794.432         | 1.638.036.684         |
| Từ các khoản cho vay và phải thu   | 16.058.788.414        | 36.570.526.518        |
| <i>Tiền lãi cho vay hoạt động Margin</i>   | 14.139.970.165        | 33.073.703.285        |
| <i>Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng</i>                                    | 1.678.941.968         | 2.703.640.915         |
| <i>Phí gia hạn nợ Margin</i>   | 239.876.281           | 793.182.318           |
| Từ tài sản tài chính AFS   | 9.450.750.000         | 2.520.450.000         |
| <i>Cổ tức</i>  | 9.450.750.000         | 2.520.450.000         |
| <b>Cộng</b>  | <b>35.883.089.510</b> | <b>49.651.461.297</b> |
| <b>4. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính</b>  |                       |                       |
| <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>   |                       |                       |
|  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
| Doanh thu môi giới   | 10.026.703.564        | 24.006.176.101        |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán   | 3.447.700.000         | 23.671.000.000        |
| Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán  | 45.000.000            | 10.866.456            |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán   | 550.649.213           | 417.541.722           |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính   | 100.000.000           | 145.454.545           |
| Doanh thu khác   | 352.882.072           | 438.998.120           |
| <b>Cộng</b>  | <b>14.522.934.849</b> | <b>48.690.036.944</b> |
| <b>5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán</b>   |                       |                       |
| <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>   |                       |                       |
|  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí giao dịch chứng khoán môi giới   | 2.388.398.485         | 5.188.474.035         |
| Chi phí nhân viên  | 3.816.603.825         | 4.420.379.193         |
| Chi phí công cụ dụng cụ  | 209.744.361           | 102.346.607           |
| Chi phí khấu hao   | 2.089.895.323         | 1.733.068.580         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 3.408.710.676         | 2.418.007.485         |
| Chi phí khác   | 35.421.275            | 80.540.435            |
| <b>Cộng</b>  | <b>11.948.773.945</b> | <b>13.942.816.335</b> |
| <b>6. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định</b>                               |                       |                       |
| <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>   |                       |                       |
|  | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
| Lãi tiền gửi ngân hàng   | 263.460.458           | 395.275.624           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia  | 537.075.000           | -                     |
| <b>Cộng</b>  | <b>800.535.458</b>    | <b>395.275.624</b>    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Doanh thu khác về đầu tư

Lãi bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hồ Điệp và chuyển nhượng vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Cẩm Tú.

### 8. Chi phí tài chính khác

Lãi bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia.

### 9. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí cho nhân viên            | 9.253.703.211                     | 7.465.560.516         |
| Chi phí văn phòng phẩm           | 46.426.280                        | 53.384.452            |
| Chi phí công cụ, dụng cụ         | 441.623.112                       | 430.893.945           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 243.797.787                       | 202.673.051           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 3.000.000                         | 3.000.000             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.342.548.026                     | 2.332.973.104         |
| Các chi phí khác                 | 2.588.850.362                     | 2.645.437.681         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>14.919.948.778</b>             | <b>13.133.922.749</b> |

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nhưng trước khi Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được phép phát hành**  
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**  
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**  
Không có.

## X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

|                       | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |             |
|-----------------------|-----------------------------------|-------------|
|                       | Năm nay                           | Năm trước   |
| Ông Nguyễn Đông Hải   | 855.861.071                       | 285.897.903 |
| Ông Nguyễn Đức Hiếu   | 665.846.448                       | 603.774.000 |
| Ông Trịnh Tấn Lực     | 584.490.781                       | 404.400.000 |
| Ông Nguyễn Khánh Linh | 369.254.274                       | 150.000.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Việt  | 679.940.871                       | 150.000.000 |
| Bà Phạm Viêt Lan Anh  | 197.725.000                       | -           |

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

| Các bên liên quan khác                                    | Mối quan hệ   |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group         | Công ty mẹ cao nhất                                   |
| Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital                     | Công ty mẹ  |
| Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3                             | Công ty cùng Tập đoàn                                 |
| Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean                               | Công ty cùng Tập đoàn                                 |
| Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết                           | Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital |
| Công ty Cổ phần May da Sài Gòn                            | Công ty cùng Tập đoàn                                 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh | Công ty liên kết của Công ty mẹ cao nhất              |
| Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công                       | Công ty con   |
| Quỹ đầu tư Thành Công                                     | Công ty con   |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital</b> |                                   |               |
| Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán | -                                 | 285.897.903   |
| Doanh thu ứng trước tiền bán chứng khoán     | -                                 | 48.774.084    |
| Doanh thu lưu ký                             | 34.991.032                        | 15.052.102    |
| Chi phí lãi vay                              | -                                 | 2.605.582.194 |
| Doanh thu phí chuyển nhượng chứng khoán      | -                                 | 3.804.017     |
| <b>Công ty Cổ phần May da Sài Gòn</b>        |                                   |               |
| Doanh thu lưu ký                             | -                                 | 55.601        |
| <b>Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3</b>         |                                   |               |
| Chi phí lãi vay                              | -                                 | -             |
| Chi phí trái phiếu TCI                       | -                                 | 96.164.386    |
| Doanh thu lưu ký                             | -                                 | 5.264.095     |
| Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán | -                                 | 18.130.125    |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |             |
|--|-----------------------------------|-------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước   |
| <b>Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean</b>           |                                   |             |
| Doanh thu lưu ký                             | 1.830.000                         | 3.960.000   |
| Doanh thu phí chuyển nhượng chứng khoán      | -                                 | 3.000.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết</b>       |                                   |             |
| Lãi vay                                      | -                                 | 977.260.273 |
| Doanh thu lưu ký                             | 1.092.000                         | 935.987     |
| Doanh thu phí môi giới giao dịch chứng khoán | 16.397.550                        | 35.324.785  |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

## 2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

|                        | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 2.160.000.000        | 2.160.000.000        |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 3.242.958.904        | 4.314.082.192        |
| <b>Cộng</b>            | <b>5.402.958.904</b> | <b>6.474.082.192</b> |

Công ty thuê tại Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê có kỳ hạn 4 năm, hết hạn vào ngày 29 tháng 04 năm 2026, với giá thuê có thuế giá trị gia tăng là 198.000.000 VND/tháng.


## 3. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập và trình bày thông tin báo cáo bộ phận do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động riêng giữa niên độ được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

## 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

  
Đỗ Thị Thanh Hoa  
Người lập

  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Đức Hiếu  
Tổng Giám đốc